

Bản án số: 169/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2024.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Bé.

2/ Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 997/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Trần Thúy K, sinh năm 1988. (có mặt)

Thường trú: số 28A Nguyễn Thị L, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH N1, Khu công nghiệp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Phan Thanh N, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Thường trú: số 28A Nguyễn Thị L, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Trần Thúy K trình bày:

Bà và ông Phan Thanh N tìm hiểu nhau thời gian khoảng 02 năm, đến năm 2008 thì tự nguyện cưới nhau, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C. Sau khi cưới thì hai vợ chồng sống tại địa chỉ số B N, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, là nhà của hai vợ chồng, chung sống hạnh phúc khoảng 12 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về tiền làm ăn, nợ nần,... và bà đã bỏ về nhà mẹ ruột bà ở gần đó ở cho đến nay hơn một năm. Bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thanh N.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Anh T, sinh ngày 25/11/2009. Giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời bà cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu, khai sinh con (sao y) + giấy chứng nhận kết hôn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông N vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trần Thúy K và ông Phan Thanh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyển số 01/2008, ngày 13/10/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà K xin ly hôn với ông N là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà K thì mâu thuẫn giữa bà với ông N là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về tiền bạc, làm ăn,... và hai vợ chồng đã không sống chung đến nay hơn hai năm. Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà K và ông N không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Anh T, sinh ngày 25/11/2009. Hiện trẻ T đang ở với ông N và Trẻ T1 cũng có lời khai thể hiện nguyện vọng muốn ở với ba, nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông N không tham dự phiên tòa và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà **K** xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà **K** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T2;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Trần Thúy K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trần Thúy K được ly hôn với ông Phan Thanh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyển số 01/2008, ngày 13/10/2008 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà K và ông N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Phan Anh T, sinh ngày 25/11/2009. Ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bà K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà K.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Trần Thúy K phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2023/0018069 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

Phan Hùng Vương